

BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ DO KINH DOANH CỦA CÁ NHÂN, HỘ KINH DOANH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

NGUYỄN SƠN TÙNG

Công ty Luật TNHH Thuế và Luật Hà Nội
– Đoàn Luật sư TP Hà Nội

Nhận bài ngày 12/8/2026. Sửa chữa xong 20/9/2026. Duyệt đăng 25/9/2026.

Abstract

Digital transformation has made cyberspace an increasingly important business environment for individuals and household businesses in Vietnam, while also creating new challenges to the freedom to conduct a business recognised under Article 33 of the 2013 Constitution. Using a human rights-based approach, this article examines the content and permissible limitations of this right and proposes a three-actor framework involving the State as duty-bearer, digital platform operators as responsible business actors, and individuals and household businesses as rights-holders. Drawing on relevant Party documents and legal developments in 2025–2026, the article identifies key gaps, including a management-oriented regulatory approach, power asymmetries between small sellers and platforms, fragmented grievance and redress mechanisms, and digital exclusion. It then proposes policy orientations, legal and institutional solutions, and a roadmap to strengthen the protection and effective enjoyment of this right through 2030, with a vision to 2035.

Keywords: Cyberspace, digital transformation, freedom to conduct a business, household business, human rights.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là một đột phá quan trọng hàng đầu (Bộ Chính trị, 2024). Trong bối cảnh đó, không gian mạng ngày càng trở thành môi trường kinh doanh phổ biến của cá nhân và hộ kinh doanh. Năm 2025, quy mô thương mại điện tử Việt Nam đạt khoảng 38,5 tỷ USD (Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, 2026). Giai đoạn 2025–2026 đánh dấu nhiều thay đổi quan trọng về thể chế. Nghị quyết số 68-NQ/TW yêu cầu bảo đảm, bảo vệ quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh và quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân (Bộ Chính trị, 2025). Quốc hội đồng thời bãi bỏ phương pháp khoán thuế đối với hộ kinh doanh từ ngày 01/01/2026 (Quốc hội, 2025g) và ban hành nhiều đạo luật mới về kinh doanh số. Những quy định này vừa tạo thuận lợi cho gia nhập thị trường, vừa làm gia tăng các nghĩa vụ về định danh, kiểm soát nội dung và thực hiện nghĩa vụ thuế qua nền tảng số. Từ góc độ quyền con người, cần làm rõ các biện pháp can thiệp này có đáp ứng yêu cầu hạn chế quyền theo khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 hay không, đồng thời cơ chế nào bảo vệ cá nhân, hộ kinh doanh trước các quyết định của nền tảng số ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của họ. Bài viết sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về quyền con người; kết hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh pháp luật và lịch sử – logic.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Về quyền tự do kinh doanh, luận án của Bùi Ngọc Cường (2001) là công trình đặt nền móng. Sau Hiến pháp năm 2013, đề tài cấp Bộ do Lê Thị Hoàng Thanh (2017) chủ nhiệm làm rõ cơ chế bảo đảm quyền này theo Hiến pháp mới.

Email: tung.ns0420@gmail.com

Về kinh doanh trên không gian mạng, Lý Vương Khanh và Vũ Đình Năm (2021) phân tích vướng mắc pháp lý của kinh doanh trực tuyến; Nguyễn Thị Hà (2022) chỉ ra khoảng trống về giải quyết tranh chấp trực tuyến. Nghiên cứu quốc tế cung cấp khung lý thuyết về quyền lực nền tảng, coi nền tảng là những "nhà cai quản mới" cần được đánh giá bằng các giá trị pháp quyền (Srnicsek, 2017; Khan, 2017; Klonick, 2018; Suzor, 2018). Bộ Nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về kinh doanh và quyền con người (Office of the High Commissioner for Human Rights, 2011) xác lập khung "Bảo vệ – Tôn trọng – Khắc phục".

Khoảng trống nghiên cứu: các công trình trong nước chủ yếu tiếp cận dưới góc độ luật kinh tế và lấy doanh nghiệp làm đối tượng; chưa có nghiên cứu hệ thống về quyền tự do kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh trên không gian mạng dưới góc độ quyền con người, gắn với hệ thống pháp luật 2025–2026.

3. Cơ sở lý luận

3.1. Quan niệm về quyền tự do kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh trên không gian mạng

Trong Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định mọi dân tộc đều có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do (Hồ Chí Minh, 2011, tr. 1). Hiến pháp năm 1992 lần đầu ghi nhận công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật (Quốc hội, 1992, Điều 57); Hiến pháp năm 2013 tạo bước tiến về chất: "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm" (Quốc hội, 2013, Điều 33). Việc chuyển chủ thể từ "công dân" sang "mọi người" và đặt quyền này trong Chương II cho thấy quyền tự do kinh doanh đã được nhận thức là quyền con người.

Luật quốc tế không ghi nhận trực tiếp quyền tự do kinh doanh, nhưng tiếp cận qua quyền làm việc (Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, 1966, Điều 6); quyền làm việc bao gồm cả lao động độc lập (UN Committee on Economic, Social and Cultural Rights, 2005, đoạn 6). Hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân, nên quyền tự do kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh là biểu hiện trực tiếp nhất của quyền con người trong lĩnh vực kinh tế.

Tuy vậy, cách tiếp cận trên vẫn mang dáng dấp của môi trường truyền thống, chưa phản ánh những thay đổi mà không gian mạng đem lại. Luật An ninh mạng năm 2025 xác định không gian mạng là môi trường được hình thành bởi hệ thống mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian (Quốc hội, 2025a, khoản 5 Điều 2). Từ định nghĩa này có thể rút ra hai nhận xét. Thứ nhất, không gian mạng là một môi trường xã hội thực sự, nên những quyền con người có được khi ngoại tuyến cũng phải được bảo vệ khi trực tuyến (Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc, 2012). Thứ hai, môi trường ấy được dựng nên bằng hạ tầng kỹ thuật, nên điều người kinh doanh được làm hay không không chỉ do pháp luật mà còn do cách hệ thống được thiết kế quyết định. Lessig (2006) gọi đây là sự điều chỉnh bằng "mã": kiến trúc kỹ thuật của mạng có khả năng định hình hành vi không kém gì quy phạm pháp luật.

Đặt trong bối cảnh đó, quyền tự do kinh doanh trên không gian mạng khác với hình dung truyền thống ở ba điểm. Điểm thứ nhất nằm ở "địa điểm" kinh doanh. Người bán lập gian hàng, tài khoản trên nền tảng do doanh nghiệp khác quản trị, nên phải qua hai lớp điều kiện: của Nhà nước và của nền tảng. Điểm thứ hai nằm ở phương thức kinh doanh, với sự xuất hiện của livestream bán hàng và tiếp thị liên kết, tức là việc giới thiệu hàng hóa, dịch vụ trên nền tảng số thông qua đường dẫn truy cập, mã giới thiệu hoặc phương thức tương tự (Quốc hội, 2025e, Điều 3). Ở những hình thức này, bán hàng gắn liền với việc tạo lập nội dung, nên ranh giới giữa kinh doanh và biểu đạt không còn rõ ràng. Điểm thứ ba nằm ở cách thức can thiệp vào quyền. Các biện pháp như khóa tài khoản, gỡ sản phẩm, hạ thứ hạng hiển thị, dù xuất phát từ cơ quan nhà nước hay từ nền tảng, đều có thể được thực hiện tức thời bằng một thao tác kỹ thuật, nhiều khi không kèm quyết định bằng văn bản.

Từ những phân tích trên, có thể quan niệm: quyền tự do kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh trên không gian mạng là quyền con người được Hiến pháp ghi nhận, theo đó cá nhân và các thành viên hộ gia đình được tự do quyết định việc gia nhập, tổ chức, thực hiện và chấm dứt hoạt động kinh doanh trong những ngành nghề pháp luật không cấm thông qua hạ tầng mạng và các nền tảng số, kể cả bằng livestream bán hàng, tiếp thị liên kết; được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện; được

doanh nghiệp vận hành nền tảng tôn trọng trong quá trình quản trị gian hàng, dữ liệu và thuật toán; chỉ bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết. Quan niệm này nhấn mạnh hai yếu tố mà cách tiếp cận truyền thống chưa đề cập: sự hiện diện của chủ thể trung gian nắm quyền quản trị và khả năng quyền bị can thiệp bằng phương tiện kỹ thuật.

3.2. Đặc điểm và nội dung của quyền

Từ quan niệm trên, có thể nhận diện bốn đặc điểm chủ yếu của quyền.

Thứ nhất, chủ thể quyền là con người cụ thể và quyền gắn trực tiếp với sinh kế. Hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân; chủ hộ và các thành viên chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh (Chính phủ, 2025, Điều 82). Bởi vậy, một quyết định khóa tài khoản hay đình chỉ gian hàng có thể làm gián đoạn nguồn thu nhập của cả gia đình.

Thứ hai, quyền được thực hiện thông qua trung gian là nền tảng số, hình thành quan hệ ba bên giữa Nhà nước, nền tảng và người kinh doanh. Về hình thức, quan hệ giữa người bán với nền tảng là quan hệ hợp đồng dân sự; về thực chất, nền tảng đơn phương soạn quy chế, đặt tiêu chí xếp hạng và áp dụng chế tài, tức là thực hiện những chức năng gắn với quản trị công (Klonick, 2018; Suzor, 2018). Do đó, quyền cần được bảo vệ không chỉ trong quan hệ với Nhà nước mà cả với chủ thể tư nhân nắm giữ hạ tầng giao dịch.

Thứ ba, hoạt động kinh doanh được dữ liệu hóa và chịu tác động của thuật toán. Dữ liệu về đơn hàng, lượt xem, đánh giá được nền tảng xử lý để quyết định khả năng hiển thị của người bán (Srnicke, 2017), nên quyền này gắn chặt với quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân và yêu cầu minh bạch thuật toán.

Thứ tư, quyền chịu sự điều chỉnh đan xen của nhiều lĩnh vực pháp luật, từ đăng ký kinh doanh, thuế, thương mại điện tử đến bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo. Sự đan xen này làm gia tăng chi phí tìm hiểu và tuân thủ của người kinh doanh nhỏ.

Về nội dung, quyền bao gồm bốn nhóm quyền thành phần.

Nhóm thứ nhất là quyền gia nhập thị trường số, tức quyền được đăng ký hoạt động, mở gian hàng, tài khoản bán hàng trên nền tảng với thủ tục đơn giản và chi phí hợp lý. Nhóm quyền này có cơ sở trực tiếp từ Điều 33 Hiến pháp năm 2013. Khác với môi trường truyền thống, việc gia nhập còn phụ thuộc vào các điều kiện do nền tảng đặt ra như xác thực danh tính, tiêu chuẩn sản phẩm, lịch sử giao dịch.

Nhóm thứ hai là quyền tự do lựa chọn phương thức, kênh và quy mô kinh doanh, gồm lựa chọn ngành nghề không bị cấm, nền tảng, hình thức bán hàng, tự do giao kết hợp đồng và định giá. Dù Bộ luật Dân sự ghi nhận nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận (Quốc hội, 2015, khoản 2 Điều 3), điều khoản sử dụng của nền tảng là hợp đồng theo mẫu nên tự do hợp đồng của người bán nhỏ trên thực tế chủ yếu là chấp nhận hay không tham gia.

Nhóm thứ ba là quyền được bảo vệ trước sự can thiệp tùy tiện, từ cả cơ quan nhà nước và nền tảng. Nhóm này gồm quyền được biết căn cứ, được thông báo, được giải trình và được khôi phục hoạt động khi biện pháp hạn chế không có căn cứ, với cơ sở hiến định là khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013; Luật Trí tuệ nhân tạo đã bước đầu định danh chủ thể “người bị ảnh hưởng” bởi hệ thống trí tuệ nhân tạo (Quốc hội, 2025f).

Nhóm thứ tư là quyền được khắc phục khi quyền bị xâm phạm, gồm quyền khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường và tiếp cận cơ chế giải quyết tranh chấp thuận tiện, kể cả trực tuyến. Hiến pháp bảo đảm quyền khiếu nại đối với những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Quốc hội, 2013, Điều 30). Tuy nhiên, tranh chấp giữa người bán và nền tảng thường có giá trị nhỏ, cần giải quyết nhanh, nên các thủ tục truyền thống khó đáp ứng.

Nhóm thứ nhất và thứ hai là sự tiếp nối nội dung truyền thống của quyền trong môi trường mới; nhóm thứ ba và thứ tư mang tính đặc thù, phát sinh từ sự hiện diện của nền tảng và khả năng can thiệp vào quyền bằng phương tiện kỹ thuật.

3.3. Giới hạn chính đáng của quyền

Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn

chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (Quốc hội, 2013). Nghị quyết số 68-NQ/TW cụ thể hóa nguyên tắc này: quyền kinh doanh chỉ có thể bị hạn chế vì các lý do nêu trên cùng lý do môi trường và phải được quy định trong luật (Bộ Chính trị, 2025). Từ đó rút ra ba tiêu chí đánh giá một biện pháp hạn chế: *tính luật định* (do luật quy định, không phải văn bản dưới luật hay quy chế của nền tảng); *tính cần thiết* (phục vụ mục tiêu chính đáng được Hiến pháp liệt kê); *tính tương xứng* (không vượt quá mức cần thiết, có xét đến quy mô, năng lực của chủ thể bị hạn chế).

3.4. Mô hình ba chủ thể trong bảo đảm quyền

Lý luận quyền con người xác định Nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền (Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao và Lê Khánh Tùng, 2009). Bộ Nguyên tắc của Liên Hợp Quốc bổ sung trách nhiệm tôn trọng quyền con người và yêu cầu cơ chế khiếu nại ở cấp độ vận hành của doanh nghiệp (Office of the High Commissioner for Human Rights, 2011, Nguyên tắc 11, 29). Vận dụng vào Việt Nam, bài viết đề xuất mô hình ba chủ thể: *Nhà nước* có nghĩa vụ bảo đảm: tôn trọng, bảo vệ (kể cả trước nền tảng) và thực hiện (thể chế, hạ tầng, kỹ năng số); *doanh nghiệp nền tảng* có trách nhiệm tôn trọng quyền qua quy chế minh bạch, thủ tục công bằng, cơ chế khiếu nại hiệu quả; *cá nhân, hộ kinh doanh* là chủ thể quyền, đồng thời có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật. Mô hình được đặt trong tổng thể hệ thống chính trị, phù hợp với định hướng về công tác nhân quyền (Ban Bí thư, 2020) và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (Ban Chấp hành Trung ương, 2022).

4. Thực trạng bảo đảm quyền ở Việt Nam

4.1. Những kết quả bước đầu

Thứ nhất, nhận thức chính trị có bước chuyển căn bản. Nghị quyết số 68-NQ/TW chỉ ra một nguyên nhân chủ yếu kìm hãm kinh tế tư nhân là quyền tự do kinh doanh chưa được bảo đảm đầy đủ, đồng thời yêu cầu Nhà nước không can thiệp hành chính vào sản xuất, kinh doanh trái nguyên tắc thị trường (Bộ Chính trị, 2025).

Thứ hai, quyền gia nhập thị trường của hộ kinh doanh thuận lợi hơn. Thẩm quyền đăng ký hộ kinh doanh được chuyển về cấp xã; hộ kinh doanh có thể đăng ký qua mạng thông tin điện tử với hồ sơ tối giản (Chính phủ, 2025, Điều 94, Điều 99).

Thứ ba, gánh nặng tài chính được giảm bớt, gắn với minh bạch hóa. Phương pháp khoán thuế và lệ phí môn bài được bãi bỏ từ ngày 01/01/2026 (Quốc hội, 2025g, khoản 6, khoản 7 Điều 10); hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống không phải nộp thuế thu nhập cá nhân (Quốc hội, 2025d, Điều 7). Việc chủ quản nền tảng được cấp mã số thuế riêng để khấu trừ, kê khai, nộp thay thuế (Bộ Tài chính, 2026) giúp giảm thủ tục cho người bán nhỏ.

Thứ tư, khung pháp lý về thương mại điện tử được nâng lên tầm luật. Luật Thương mại điện tử năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 (Quốc hội, 2025e), được hướng dẫn bởi Nghị định số 248/2026/NĐ-CP (Chính phủ, 2026). Chủ quản nền tảng có tính năng livestream phải công khai quy chế, có cơ chế giải quyết khiếu nại và lưu trữ dữ liệu phiên livestream ít nhất một năm (Quốc hội, 2025e, Điều 22).

Thứ năm, các quyền liên quan đến dữ liệu và môi trường số được tăng cường. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật An ninh mạng năm 2025, Luật Trí tuệ nhân tạo và Luật Chuyển đổi số đã tạo khung pháp lý cho môi trường kinh doanh số an toàn, minh bạch hơn (Quốc hội, 2025a; 2025b; 2025c; 2025f).

4.2. Những hạn chế, bất cập

Thứ nhất, pháp luật còn thiên về tiếp cận quản lý hơn tiếp cận quyền. Điều này thể hiện rõ ở hai nhóm quy định mới. Nhóm thứ nhất liên quan đến người livestream bán hàng và người làm tiếp thị liên kết. Luật Thương mại điện tử năm 2025 yêu cầu người livestream và người tiếp thị liên kết cung cấp thông tin để xác thực danh tính; người tiếp thị liên kết còn phải từ chối quảng bá hàng hóa vi phạm và gỡ bỏ liên kết khi cơ quan nhà nước yêu cầu (Quốc hội, 2025e, Điều 24, Điều 25, Điều 26). Các nghĩa vụ này được đánh giá là góp phần hạn chế quảng cáo sai sự thật và tăng tính minh bạch của kinh doanh trực tuyến (Hoàng Nghiệp Quỳnh, 2026). Có điều, phần đông người làm tiếp thị liên kết là cá nhân, không

sở hữu hàng hóa và không kiểm soát được chất lượng sản phẩm mình giới thiệu. Luật chưa phân tầng nghĩa vụ theo quy mô hoạt động, cũng chưa làm rõ họ được bảo vệ ra sao khi liên kết bị gỡ bỏ, hay dữ liệu định danh mà họ cung cấp được sử dụng trong giới hạn nào.

Nhóm thứ hai là các quy định về thời hạn gỡ bỏ. Nghị định số 248/2026/NĐ-CP yêu cầu chủ quản nền tảng gỡ bỏ thông tin về hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Chính phủ, 2026, điểm c khoản 1 Điều 17); chủ quản nền tảng tích hợp cũng phải gỡ bỏ nền tảng được tích hợp có hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong cùng thời hạn (Chính phủ, 2026, điểm d khoản 1 Điều 20). Thời hạn ngắn giúp ngăn chặn kịp thời thiệt hại cho người tiêu dùng và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Song căn cứ để kích hoạt có thể chỉ là “dấu hiệu” vi phạm, trong khi bản thân các quy định này chỉ xác lập nghĩa vụ của nền tảng, không kèm theo yêu cầu thông báo lý do cho người bán, tạo cơ hội để họ giải trình hay khôi phục gian hàng khi yêu cầu được xác định là không có căn cứ. Đối chiếu với tiêu chí tương xứng nêu ở mục 3.3, đây là khoảng trống khiến người kinh doanh nhỏ có thể chịu thiệt hại mà không có kênh phản hồi.

Thứ hai, quan hệ giữa người kinh doanh nhỏ và nền tảng bất cân xứng sâu sắc, trong khi các đạo luật hiện hành chưa hướng tới điều chỉnh quan hệ này. Quy chế, biểu phí, tiêu chí xếp hạng do nền tảng soạn sẵn và có thể thay đổi đơn phương. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 chỉ bảo vệ người mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt (Quốc hội, 2023, khoản 1 Điều 3). Người bán sử dụng dịch vụ của nền tảng để kinh doanh nên không thuộc diện này, kể cả khi chỉ là một hộ gia đình nhỏ. Khi gặp điều khoản bất lợi, họ chỉ có thể viện dẫn quy định chung của Bộ luật Dân sự về hợp đồng theo mẫu, theo đó điều khoản miễn trách nhiệm của bên đưa ra hợp đồng hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bên kia không có hiệu lực (Quốc hội, 2015, khoản 3 Điều 405). Muốn vậy, người bán phải khởi kiện tại tòa án với chi phí thường vượt xa giá trị tranh chấp.

Luật Cạnh tranh năm 2018 cũng khó lấp được khoảng trống đó. Mục tiêu của luật là bảo vệ trật tự cạnh tranh trên thị trường, không phải bảo vệ từng bên trong quan hệ hợp đồng. Để xử lý hành vi lạm dụng, trước hết phải chứng minh doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh, dựa trên ngưỡng thị phần từ 30% hoặc sức mạnh thị trường đáng kể (Quốc hội, 2018, Điều 24, Điều 26), một gánh nặng chứng minh mà hộ kinh doanh gần như không thể tự đáp ứng. Hồ sơ dự thảo luật sửa đổi năm 2026 cũng thừa nhận khoảng trống đối với các hành vi đặc thù của nền tảng số và đề xuất bổ sung tiêu chí về quy mô, số lượng người sử dụng cùng các hành vi như tự ưu tiên, can thiệp cơ chế xếp hạng, lạm dụng dữ liệu (Phong Lâm, 2026). Trong khi đó, Liên minh châu Âu buộc nền tảng trung gian nêu lý do khi hạn chế, đình chỉ dịch vụ, thông báo trước 30 ngày khi chấm dứt, công khai tham số xếp hạng chính và thiết lập hệ thống xử lý khiếu nại nội bộ cho người dùng doanh nghiệp (European Union, 2019, Điều 4, Điều 5, Điều 11).

Thứ ba, chi phí tuân thủ tăng và nguy cơ loại trừ do khoảng cách số. Việc chuyển sang kê khai thuế, hóa đơn điện tử, xác thực danh tính điện tử đòi hỏi kỹ năng số mà người cao tuổi, người ở nông thôn, miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế. Mức độ phát triển thương mại điện tử giữa các địa phương vẫn chênh lệch rất lớn (Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, 2026).

Thứ tư, cơ chế khắc phục phân tán. Luật Khiếu nại chỉ áp dụng với quyết định, hành vi hành chính; tranh chấp với nền tảng phải giải quyết theo thủ tục dân sự, tốn kém so với giá trị tranh chấp nhỏ; cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến vẫn là khoảng trống (Lý Vương Khanh và Vũ Đình Năm, 2021; Nguyễn Thị Hà, 2022).

Thứ năm, tác động của thuật toán chưa được kiểm soát tương xứng: danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro cao (Thủ tướng Chính phủ, 2026) chưa bao gồm các hệ thống ra quyết định tự động đối với người bán trên nền tảng thương mại điện tử.

Nguyên nhân chủ yếu là: quyền tự do kinh doanh vẫn được nhìn nhận dưới góc độ kinh tế, là đối tượng quản lý hơn là quyền con người; công nghệ thay đổi nhanh hơn khả năng điều chỉnh của pháp luật; thẩm quyền quản lý phân tán, thiếu đầu mối tiếp nhận vướng mắc của người kinh doanh nhỏ; năng lực pháp lý, năng lực số của chủ thể quyền còn hạn chế.

5. Quan điểm và giải pháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

5.1. Quan điểm

Một là, quán triệt quan điểm lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực phát triển (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021), coi người kinh doanh nhỏ là chủ thể quyền chứ không chỉ là đối tượng quản lý. Hai là, quản lý để phát triển; mọi hạn chế quyền phải luật định, cần thiết và tương xứng (Quốc hội, 2013, khoản 2 Điều 14; Bộ Chính trị, 2025). Ba là, bảo đảm đồng bộ trách nhiệm của Nhà nước, doanh nghiệp nền tảng và người kinh doanh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

5.2. Giải pháp

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật theo hướng tiếp cận quyền. Cần bổ sung vào Luật Thương mại điện tử nhóm quyền của người kinh doanh trên nền tảng: được thông báo trước và biết lý do cụ thể khi bị hạn chế, đình chỉ, khóa tài khoản; được khiếu nại nội bộ và được con người xem xét lại quyết định tự động; được biết tiêu chí chính quyết định thứ hạng hiển thị. Biện pháp hạn chế cần được đánh giá tác động theo tiêu chí tương xứng ngay từ khâu soạn thảo; danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro cao cần tính đến các hệ thống tác động đáng kể đến sinh kế của người bán. Đối với người livestream và người làm tiếp thị liên kết, nên phân tầng nghĩa vụ theo quy mô hoạt động và quy định rõ phạm vi sử dụng dữ liệu định danh mà họ cung cấp. Dự thảo sửa đổi Luật Cạnh tranh cần có cơ chế để người bán nhỏ phản ánh hành vi lạm dụng của nền tảng mà không phải tự chứng minh thị phần.

Thứ hai, xây dựng cơ chế khắc phục thuận tiện, chi phí thấp, như cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến gắn với cổng thông tin quản lý thương mại điện tử, ưu tiên hòa giải cho tranh chấp giá trị nhỏ; đầu mối tiếp nhận phản ánh của người kinh doanh về quyết định của nền tảng; mở rộng trợ giúp pháp lý cho hộ kinh doanh.

Thứ ba, tăng cường trách nhiệm tôn trọng quyền của doanh nghiệp nền tảng. Kế hoạch hành động quốc gia về hành vi kinh doanh có trách nhiệm giai đoạn sau năm 2027 (kế tiếp Thủ tướng Chính phủ, 2023) cần đưa nền tảng số vào nhóm ưu tiên; nền tảng lớn cần công bố báo cáo minh bạch định kỳ về tài khoản bị hạn chế, khóa và kết quả giải quyết khiếu nại, xây dựng cơ chế khiếu nại đáp ứng tiêu chí hiệu quả của Liên Hợp Quốc (Office of the High Commissioner for Human Rights, 2011).

Thứ tư, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao năng lực chủ thể quyền: triển khai hỗ trợ nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung cho hộ kinh doanh theo định hướng của Nghị quyết số 68-NQ/TW (Bộ Chính trị, 2025); phổ cập kỹ năng kinh doanh số và pháp luật, ưu tiên nhóm yếu thế. *Thứ năm, phát huy vai trò hệ thống chính trị:* cấp ủy, chính quyền nhận thức bảo đảm quyền của người kinh doanh nhỏ là một nội dung của công tác nhân quyền (Ban Bí thư, 2020); Mặt trận Tổ quốc, hiệp hội tăng cường giám sát, phản biện.

5.3. Lộ trình

Giai đoạn 2026–2027: hoàn thiện văn bản hướng dẫn, tổ chức thi hành luật mới, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi phương thức kê khai thuế. Giai đoạn 2028–2030: tổng kết thi hành Luật Thương mại điện tử; luật hóa nhóm quyền của người kinh doanh trên nền tảng, vận hành cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến. Giai đoạn 2031–2035: hoàn thiện đồng bộ thể chế bảo đảm quyền trong kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân đến năm 2045 (Bộ Chính trị, 2025).

6. Kết luận

Quyền tự do kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh trên không gian mạng là quyền con người hiến định. Trong bối cảnh chuyển đổi số, quyền này được thực hiện trong cấu trúc quan hệ ba bên có sự tham gia của nền tảng, làm xuất hiện nguy cơ xâm phạm quyền từ cả biện pháp quản lý lẫn “quyền lực tư” của nền tảng. Thể chế giai đoạn 2025–2026 có bước tiến lớn nhưng vẫn còn khoảng trống. Bài viết đề xuất mô hình ba chủ thể, ba tiêu chí đánh giá giới hạn quyền (luật định, cần thiết, tương xứng) và năm nhóm giải pháp với lộ trình đến năm 2035. Hướng nghiên cứu tiếp theo là xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ bảo đảm quyền và khảo sát thực chứng trải nghiệm của cá nhân, hộ kinh doanh trên nền tảng.

Tài liệu tham khảo

- Ban Bí thư (2020). *Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20/7/2020 về công tác nhân quyền trong tình hình mới*.
- Ban Chấp hành Trung ương (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
- Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*.
- Bộ Tài chính (2026). *Thông tư số 90/2026/TT-BTC*.
- Bùi Ngọc Cường (2001). *Xây dựng và hoàn thiện pháp luật kinh tế nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh ở nước ta*[Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội].
- Chính phủ (2025). *Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 về đăng ký doanh nghiệp*.
- Chính phủ (2026). *Nghị định số 248/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử*.
- Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1966). *International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights*. 993 U.N.T.S. 3.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I)*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
- European Union (2019). *Regulation (EU) 2019/1150 on promoting fairness and transparency for business users of online intermediation services*. *Official Journal of the European Union*, L 186, 57–79.
- Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2026). *Báo cáo Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam 2026*. VECOM.
- Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (Tập 4). NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
- Hoàng Nghiệp Quỳnh (2026). *Luật Thương mại điện tử 2025: Khung pháp lý mới cho livestream bán hàng và tiếp thị liên kết*. *Tạp chí Kinh tế – Tài chính (Chuyên trang Nghiên cứu)*. <https://ngnghiencuu.tapchikinhthetaichinh.vn/luat-thuong-mai-dien-tu-2025-khung-phap-ly-moi-cho-livestream-ban-hang-va-tiep-thi-lien-ket-157230.html>
- Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc (2012). *Nghị quyết A/HRC/RES/20/8 về thúc đẩy, bảo vệ và thụ hưởng quyền con người trên Internet*.
- Khan, L. M. (2017). Amazon's antitrust paradox. *Yale Law Journal*, 126(3), 710–805.
- Klonick, K. (2018). The new governors: The people, rules, and processes governing online speech. *Harvard Law Review*, 131(6), 1598–1670.
- Lê Thị Hoàng Thanh (chủ nhiệm) (2017). *Quyền tự do kinh doanh và bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo Hiến pháp năm 2013* [Đề tài khoa học cấp Bộ]. Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp.
- Lessig, L. (2006). *Code: Version 2.0*. Basic Books.
- Lý Vương Khanh và Vũ Đình Năm (2021). *Kinh doanh trực tuyến tại Việt Nam hiện nay*. *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*. <https://tapchitoaan.vn/kinh-doanh-truc-tuyen-tai-viet-nam-hien-nay>
- Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao và Lê Khánh Tùng (chủ biên) (2009). *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Nguyễn Thị Hà (2022). *Pháp luật về kinh doanh trực tuyến của doanh nghiệp ở Việt Nam* [Luận văn thạc sĩ Luật kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế].
- Office of the High Commissioner for Human Rights (2011). *Guiding principles on business and human rights*. United Nations.
- Phong Lâm (2026). *Sửa đổi Luật Cạnh tranh: Những đề xuất mới đáng chú ý*. *Báo Công Thương điện tử*. <https://congthuong.vn/sua-doi-luat-can-tranh-nhung-de-xuat-moi-dang-chu-y-446343.html>
- Quốc hội (1992). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*.
- Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025)*.
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*.
- Quốc hội (2018). *Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14*.
- Quốc hội (2023). *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15*.
- Quốc hội (2025a). *Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15*.
- Quốc hội (2025b). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15*.
- Quốc hội (2025c). *Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15*.
- Quốc hội (2025d). *Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15*.
- Quốc hội (2025e). *Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15*.
- Quốc hội (2025f). *Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15*.
- Quốc hội (2025g). *Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân*.
- Srnicek, N. (2017). *Platform capitalism*. Polity Press.
- Suzor, N. (2018). Digital constitutionalism: Using the rule of law to evaluate the legitimacy of governance by platforms. *Social Media + Society*, 4(3), 1–11.
- Thủ tướng Chính phủ (2023). *Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm giai đoạn 2023–2027*.
- Thủ tướng Chính phủ (2026). *Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg ngày 30/6/2026 ban hành Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao*.
- UN Committee on Economic, Social and Cultural Rights (2005). *General Comment No. 18: The right to work*. E/C.12/GC/18.